

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày 09-01-2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khang

2. Bà Hứa Thị Nhi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn T5 – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2017/TLST-DS ngày 07/6/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T-có mặt.

Trú tại: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 (Chị T3 đã ủy quyền cho anh T1 theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017)-có mặt.

Trú tại: Tổ 2, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

3. *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn N B-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Anh Lê Văn T- có mặt.

Trú tại: thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chị Nguyễn Thị Kim D-có mặt.

Trú tại: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chị Nguyễn Thị M- có mặt.

Trú tại: tổ 1, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Anh Mai Đình Đ-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Chị Nguyễn Thị T4-vắng mặt.

Trú tại: thôn 4, xã Đắk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên anh Nguyễn Văn T có cho vợ chồng anh Trần Đình T1, chị Hoàng Thị T3 vay số tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) không thỏa thuận lãi suất và hẹn đến ngày 04/9/2016 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, đến hạn anh T1 chị T3 không trả cho anh T như đã thỏa thuận, mặc dù anh T đòi nhiều lần nhưng anh T1, chị T3 chỉ trả được cho anh T 02 lần với số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Do đó, tại phiên tòa, anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 65.000.000đ mà anh T1, chị T3 đã trả, chỉ yêu cầu anh T1, chị T3 phải trả cho anh số tiền 295.000.000đ (Hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Anh Trần Đình T1 trình bày: Anh T1 thừa nhận có nợ như anh Nguyễn Văn T trình bày, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền và không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên quá trình vay anh T1 đã trả cho anh T nhiều lần với tổng số tiền là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Khi trả tiền do tin tưởng nên anh T1 không lập giấy tờ gì, anh T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả số tiền 250.000.000đ, tuy nhiên anh T1 cho rằng khi anh trả thì có anh Mai Đình Đ, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Kim D, chị Nguyễn Thị T4, anh T5, chị N, chị T6, anh T7 làm chứng cho việc anh trả tiền. Do đã trả cho anh T 250.000.000đ nên anh T1 chỉ đồng ý trả cho anh T số tiền còn lại là 110.000.000đ.

Anh Trần Đình T1 xác định số tiền này là nợ chung của anh và chị Hoàng Thị T3. Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị T3 có giấy ủy quyền ngày 28/11/2017 cho anh Trần Đình T1 tham gia tố tụng, thay mặt chị giải quyết toàn bộ các vấn đề

liên quan đến quyền và nghĩa vụ của chị tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Song và nội dung việc vay mượn và trả nợ như anh T1 trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng anh Nguyễn Ngọc B trình bày: Anh B không biết việc anh T và anh T1, chị T3 vay mượn nhau cụ thể như thế nào, nhưng vào đầu năm 2017 anh T1 có nhờ anh B đưa dùm cho anh T số tiền 50.000.000đ. Đối với việc anh T1 cho rằng vào đầu tháng 01/2017 đã trả cho anh T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại nhà hàng H thì anh B không nhớ có sự việc đó không.

Tại phiên tòa, người làm chứng anh Lê Văn T trình bày: anh có chứng kiến sự việc vay tiền giữa anh Trần Đình T1, chị Hoàng Thị T3 với anh Nguyễn Văn T và có ký trong giấy vay tiền với tư cách người làm chứng. Còn về quá trình vay, anh T1 đã trả cho anh T hay chưa, trả bao nhiêu lần, số tiền bao nhiêu thì anh không biết và không chứng kiến.

Tại phiên tòa, người làm chứng chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: chị không chứng kiến sự việc anh T1 trả cho anh T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Chị cũng không biết gì về việc vay tiền giữa anh T và anh T1.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị T4 trình bày: Chị không chứng kiến sự việc anh T1 trả cho anh T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại quán masage T T.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị M trình bày: chị có chứng kiến sự việc anh T1 trả cho anh T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại quán Masage T T. Chị M khẳng định chỉ chứng kiến một lần duy nhất việc trả tiền giữa anh T và anh T1, ngoài ra chị không chứng kiến lần trả nợ nào khác giữa anh T và anh T1.

Người làm chứng anh Mai Đình Đ trình bày: Trong thời gian làm quản lý ở quán masage T T, anh không chứng kiến việc anh T1 trả cho anh T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và cũng không quen biết anh T1.

Những người làm chứng khác là anh T5, chị N, chị T6, anh T7 bị đơn anh T1 không cung cấp được đầy đủ họ và tên, địa chỉ nên Tòa án không thể tiến hành làm việc được với họ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Các đương sự đã thỏa thuận được lãi suất chậm trả là 1%/tháng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn

Văn T, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 295.000.000đ và lãi suất chậm trả mà các bên đã thỏa thuận được là 1%/tháng.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 vay tiền ngày 01/9/2015 do nguyên đơn cung cấp. Anh T1 thừa nhận giữa các bên có lập giấy biên nhận trên và chữ ký trong giấy biên nhận trên là chữ ký của mình, do các đương sự đã thống nhất nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Đối với số tiền 185.000.000 đồng các bên chưa thống nhất được. Anh T cho rằng anh T1, chị T3 mới trả cho anh được 65.000.000đ và hiện còn nợ 295.000.000đ; anh T1, chị T3 cho rằng đã trả được 250.000.000đ chỉ còn nợ anh T 110.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 trả số tiền đã vay là 295.000.000đ, do đó tranh chấp này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Xét thấy bị đơn Anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 2, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét giấy vay tiền ngày 01/9/2015 có chữ ký của người vay là bị đơn anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3, phía bị đơn thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó việc Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 nợ anh Nguyễn Văn T số tiền 360.000.000 đồng là có thật. HĐXX xét thấy việc vay tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 BLDS nên HĐXX công nhận hợp đồng vay tài sản giữa anh Nguyễn Văn T và anh Trần Đình T1, chị Hoàng Thị T3 là hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 65.000.000đ và chỉ yêu cầu anh T1, chị T3 trả số tiền 295.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh T là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, HĐXX

đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với số tiền 65.000.000 đồng. Anh T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.3] Xét quan điểm của anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 cho rằng đã trả cho anh T 08 lần, tổng cộng đã trả số tiền 250.000.000đ. Quá trình trả nợ hai bên không lập giấy tờ gì. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T chỉ thừa nhận anh T1, chị T3 đã trả cho anh số tiền 65.000.000đ, lần đầu gửi anh Nguyễn Ngọc B số tiền 50.000.000đ trả cho anh, lần 2 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng cho anh 15.000.000đ. Những lần anh T1 cho rằng đã trả nợ khác thì anh T không thừa nhận, anh T1 cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh T1 cho rằng những lần mình trả nợ đều có người làm chứng. Vào khoảng tháng 10 năm 2016 anh trả 100.000.000đ tại massage T T có chị Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị T4, chị Nguyễn Thị Kim D chứng kiến. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị T4, chị D trình bày không chứng kiến việc anh T1 trả số tiền trên. Chị M trình bày có chứng kiến việc anh T1 trả 100.000.000đ cho anh T, tuy nhiên lời khai của chị M không phù hợp với lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng khác. Ngoài lời khai, chị M cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Anh Trần Đình T1 khai chị M đã nhiều lần chứng kiến việc anh T1 trả nợ cho anh T, tuy nhiên, tại phiên tòa, chị M chỉ thừa nhận có chứng kiến 01 lần anh T1 trả cho anh T 100.000.000đ. Ngoài ra chị không chứng kiến thêm lần nào khác. Do đó, lời khai của anh Trần Đình T1 cũng không phù hợp với lời khai của người làm chứng chị M về các lần chị M chứng kiến việc trả nợ; vào khoảng tháng 5 năm 2017 trả 10.000.000đ tại massage T T có người quản lý mới của quán làm chứng, tuy nhiên anh Mai Đình Đ là quản lý mới của quán khai không chứng kiến việc anh T1 trả tiền cho anh T; vào tháng 01 năm 2017 tại nhà hàng H anh T1 trả cho anh T 10.000.000đ có anh Nguyễn Ngọc B làm chứng, tuy nhiên anh B khai không nhớ có sự việc đó hay không. Đối với lần anh T1 khai trả số tiền 50.000.000đ tại quán massage T T vào tháng 01 năm 2017; trả 10.000.000đ tại quán massage T T vào tháng 04 năm 2017; trả 10.000.000đ tại nhà anh T1 vào tháng 5 năm 2017 thì anh T1 khai có người làm chứng tuy nhiên không cung cấp được họ tên và địa chỉ của những người làm chứng trên.

Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Theo đó, anh T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy anh Nguyễn Văn T yêu cầu anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 trả số tiền 295.000.000đ là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[2.5] Tại phiên tòa, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau mức lãi suất chậm trả là 1%/tháng. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của BLDS về việc tính lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 295.000.000đ (*Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận được tại phiên tòa là 1%/tháng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với số tiền 65.000.000 đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*).

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song để đảm bảo công tác Thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Đình T1 và chị Hoàng Thị T3 phải nộp 14.750.000 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 07/6/2017 theo biên lai số 00035904 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Hải Âu**